TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2022
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Huỳnh Liêm
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Văn Xuôi
- Ông Đặng Huỳnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 206/2022/TLST-HN ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc *"Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959
Địa chỉ: ấp Ph, xã P, huyện C, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1956
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-4-2022 và bản tự khai ngày 27-6-2022 nguyên đơn Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà C với Ông Phạm Văn T quen biết nhau được gia đình hai bên đồng ý sẽ tổ chức lễ cưới vào trước năm 1987 không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống bên Bà C rất hạnh phúc cho đến năm 1993 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẩn, không có tiếng nói chung. Đến năm 2004 thì Ông T bỏ vợ con về nhà mẹ ruột sống cho đến nay không còn quan tâm nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên Bà C yêu cầu xin được ly hôn với Ông T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 26-3-1989 và Phạm Thị Trúc A, sinh ngày14-5-1993. Hiện hai con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 27-6-2022 bị đơn Ông Phạm Văn T trình bày: Ông T với Bà Nguyễn Thị C quen biết nhau được gia đình hai bên đồng ý sẽ tổ chức lễ cưới vào trước năm 1987 không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống bên Bà C rất hạnh phúc cho đến năm 1993 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẩn, không có tiếng nói chung. Đến năm 2004 thì Ông T bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên Bà C yêu cầu xin được ly hôn thì Ông T cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 26-3-1989 và Phạm Thị Trúc A, sinh ngày14-5-1993. Hiện hai con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của Bà Nguyễn Thị C xin ly hôn với Ông Phạm Văn T có ấp T, xã B, huyện C, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2] Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C với Ông Phạm Văn T lúc sống chung với nhau được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới vào trước năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì *"Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 1 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000"*. Đồng thời, theo hướng dẫn tại điểm c mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 thì *"Được coi là nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng, nếu họ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật*

hôn nhân và gia đình năm 2000 và thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có tổ chức lễ cưới khi về chung sống với nhau; Việc họ về chung sống với nhau được gia đình (một bên hoặc cả hai bên) chấp nhận; Việc họ về chung sống với nhau được người khác hay tổ chức chứng kiến; Họ thực sự chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình. Thời điểm nam và nữ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng là ngày họ tổ chức lễ cưới hoặc ngày họ về chung sống với nhau được gia đình (một hoặc cả hai bên) chấp nhận hoặc ngày họ về chung sống với nhau được người khác hay tổ chức chứng kiến hoặc ngày họ thực sự bắt đầu chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình". Như vậy, đối với trường hợp Bà C, Ông T chung sống với nhau như vợ chồng mặc dù không xác định được cụ thể ngày cưới nhưng xác định được trước ngày trước ngày 03-01-1987, hiện chưa đăng ký kết hôn thì vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng (hôn nhân thực tế).

[4] Thấy rằng, sau khi cưới Bà C, Ông T sống bên Bà C hạnh phúc đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẩn, thường xuyên cãi vả nhau do bất đồng quan sống đến năm 2004 Ông T bỏ vợ con về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, không còn quan tâm nhau. Nay Bà C và Ông T xác định vợ chồng không còn hạnh phúc và cũng thống nhất ly hôn với nhau nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa Bà C với Ông T.

[5] Về con chung: Có hai người con chung tên Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 26-3-1989 và Phạm Thị Trúc A, sinh ngày14-5-1993. Bà C và Ông T xác định, hiện nay hai con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng và người khác nợ vợ chồng: Bà C và Ông T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C và Ông Phạm Văn T là người cao tuổi có yêu cầu xin miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giửa Bà Nguyễn Thị C với Ông Phạm Văn T.

2. Về con chung: Có hai người con chung tên Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 26-3-1989 và Phạm Thị Trúc A, sinh ngày14-5-1993. Bà C và Ông T xác định, hiện nay hai con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng và người khác nợ vợ chồng: Bà C và Ông T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C và Ông Phạm Văn T được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Bà C số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010399 ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Bà Nguyễn Thị C và Ông Phạm Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Huỳnh Liêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Xuôi	**Đặng Huỳnh Tâm**	**Thạch Huỳnh Liêm**